

Bản án số: 29/2025/HS-ST
Ngày: 03/12/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Hòa và ông Vì Văn Tùng

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Hà Thế Anh –Thư ký Tòa án khu vực 16 - Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 tham gia phiên toà:*** Ông Mai Thanh Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2025/HSST ngày 12/11/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HS ngày 20/11/2025 đối với các bị cáo:

1. Sùng A N, tên gọi khác (không), sinh ngày 23/6/1993; Số định danh cá nhân: 017093010581, tại xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng A B (Đã chết) và bà Giàng Y B1, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ là: Dừ Thị C, sinh năm 1995 và có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: là đảng viên hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/7/2025 chuyển tạm giam ngày 25/7/2025. Có mặt.

2. Giàng A Đ, tên gọi khác (không), sinh ngày 03/3/1969; Mã định danh cá nhân 017069002934, tại xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A S (đã chết) và bà Sùng Y C1, sinh năm 1935; Bị cáo có vợ là Sùng Y D (đã chết) và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/7/2025 và chuyển tạm giam ngày 25/7/2025. Có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Dừ Thị C, sinh năm 1995; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

+ Chị Lê Thị Y, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư

trú: Bản C, xã V, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Chị Vì Thị Bích T, sinh năm 1981; Nghề nghiệp: Lao Động tự do; Nơi cư trú: Tổ A, phường C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Hàng A C2, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 17/7/2025, tổ công tác Công an xã P phối hợp với công an xã B, tỉnh Phú Thọ làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ. Tổ công tác phát hiện Sùng A N điều khiển xe mô tô BKS. 30L2 – 6411 chở Giàng A Đ có nhiều biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác yêu cầu N dừng xe để kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra, đã phát hiện trong lòng bàn tay trái của Sùng A N có 01 gói nilon màu đen bên trong có 04 viên nén màu hồng. Sùng A N và Giàng A Đ khai nhận đó là ma túy mua về để cùng nhau sử dụng. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng gồm 01 gói ma túy và xe mô tô BKS. 30L2 – 6411.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: Vào trưa ngày 17/7/2025, Sùng A N đến nhà Giàng A Đ chơi, Sùng A N rủ Giàng A Đ đi tìm mua ma túy về cùng sử dụng, Đ đồng ý và đưa cho Nhà 100.000 đồng. Sùng A N điều khiển xe mô tô BKS. 30L2 – 6411 của vợ là Dừ Thị C chở Giàng A Đ đi vào xóm H, xã P, tỉnh Phú Thọ để tìm mua ma túy. Trên đường đi N đã sử dụng 20.000 đồng để mua xăng, cả hai đi đến khu vực sân bóng xóm H, xã P thì gặp một người phụ nữ không quen biết đang đi bộ một mình. Sùng A N dừng xe và hỏi mua ma túy thì người phụ nữ đồng ý, Sùng A N đưa cho người phụ nữ 80.000 đồng, người phụ nữ cầm tiền sau khoảng 5 phút thì người phụ nữ quay lại đưa cho Sùng A N 01 gói nilon màu đen bên trong có chứa ma túy. Nhận được ma túy Sùng A N cầm trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe mô tô, khi đến địa phận xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ thì bị bắt giữ.

Tại biên bản ghi lời khai, ngày 21/9/2025, ngày 23/9/2025 và ngày 25/9/2025 thể hiện xe mô tô BKS. 30L2 – 6411 mang tên Vì Thị Bích T, chị T đã bán cho chị Lê Thị Y sau khi mua được chị Y bán lại cho chị Dừ Thị C với giá 9.000.000 đồng vào tháng 6/2024. Chị Dừ Thị C và chị Lê Thị Y đều công nhận việc mua bán hai bên không làm thủ tục sang tên. Sùng A N là chồng tự ý lấy xe đi mua ma túy chị C không biết nên chị đề nghị xin lại xe mô tô vì đây là phương tiện đi lại của gia đình.

Tại bản Kết luận giám định số 877/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của Phòng PC09- Công an tỉnh P kết luận:

Các viên nén màu hồng trong phong bì niêm phong một mặt có ghi : Vụ tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 17/7/2025 tại xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ thu giữ của Sùng A N, sinh năm 1993 và Giàng A Đ, sinh năm 1969, nơi cư trú: Xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ “ gửi giám định có tổng khối lượng 0,39 gam ma túy, loại Methamphetamine.”

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS- KV16 ngày 11/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt Sùng A N từ 37 tháng đến 38 tháng tù , Giàng A Đ từ 36 tháng đến 37 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị tịch thu toàn bộ số ma túy của các bị cáo hoàn trả sau giám định để tiêu hủy.

Đối với xe mô tô BKS. 30L2 – 6411 không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đề nghị áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Công an xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận về hành vi phạm tội như sau: Do cả hai đều nghiện ma túy nên ngày 17/7//2025 Sùng A N đã rủ Giàng A Đ đi mua 0,39 gam Methamphetamine với mục đích để cùng nhau sử dụng chung. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định, biên bản hỏi cung và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận Sùng A N và Giàng A Đ phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật hình sự.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích

mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

c) Heroine, C3, Methamphetamine, A1, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Từ đó khẳng định bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về công tác quản lý các chất ma túy, làm gia tăng các tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được việc Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn nghiện của mình, các bị cáo đã cố tình phạm tội. Các bị cáo đều là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, phân công tổ chức trong quá trình phạm tội.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và cá thể hóa hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, các tình tiết này được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Sùng A N có vai trò chính trong vụ án, là người sử dụng xe mô tô của gia đình chủ động rủ Giàng A Đ cùng đi mua ma túy để về sử dụng, bản thân bị cáo trước khi bị bắt là Đảng viên có sự hiểu biết pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn nghiện của mình bị cáo đã cố tình phạm tội nên khi áp dụng mức hình phạt, bị cáo phải chịu mức cao hơn so với Giàng A Đ.

Bị cáo Giàng A Đ là người giúp sức tích cực góp 100.000 đồng và cùng Sùng A Nhà đi mua ma túy nên bị cáo cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với xe mô tô BKS. 30L2 – 6411 mang tên Vì Thị Bích T mà Sùng A N sử dụng để đi mua ma túy, chị Dừ Thị C không biết nên không có căn cứ để tiếp tục xem xét.

[4] Về vật chứng của vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy của các bị cáo hoàn trả sau giám định.

- Trả lại chị Dừ Thị C xe mô tô vì bị cáo chỉ dùng làm phương tiện đi lại, không phải là công cụ phục vụ vào việc phạm tội.

[5] Về tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng, hình phạt bổ sung, hướng xử lý vật chứng, biện pháp bảo đảm công tác thi hành án, án phí và phân kháng

cáo mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Xét thấy có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 47 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng A N và Giàng A Đ phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về mức hình phạt: - Xử phạt bị cáo Sùng A N 37 (Ba mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/7/2025.

- Xử phạt bị cáo Giàng A Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/7/2025.

3. Về vật chứng của vụ án:

- T1 tịch thu để tiêu hủy: 01(một) phong bì niêm phong màu trắng bên ngoài có ghi “ Mẫu vật còn lại sau giám định vụ Sùng A N, Giàng a Đ – Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xảy ra ngày 17/7/2025. Tại xã P, tỉnh Phú Thọ” mép dán phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong được đóng dấu giáp lai dấu của phòng K Công an tỉnh P.

- Trả lại chị Dừ Thị C, sinh năm 1995; Nơi cư trú: xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ: 01 xe mô tô biển số: 30L2 - 6411 nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, số máy: JC 43E- 5555270, số khung: RLHJC4320AY516135, xe không có gương chiếu hậu, xe bong sơn trầy xước, yếm xe vỡ bung rời, xe cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong.

Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16, tỉnh Phú Thọ, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 07/KV16 ngày 01/12/2025.

4. Về án phí: Buộc các phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, cụ thể mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Trại tạm giam cơ sở 3;
- Phòng Hồ sơ CAT PT;
- VKSND khu vực 16;
- THA hình sự;
- Phòng THA dân sự khu vực 16;
- Đảng ủy xã Pà Cò;
- Chi bộ xóm Pà Cò 1;
- UBND xã Pà Cò;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Hưng

